

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

2. Ông Phan Công Ny

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 666/2022/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lương Nhã U**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: phường Tân A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: phường Tân A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lương Nhã U trình bày và yêu cầu:

Qua tìm hiểu, bà và ông Trần Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận, đến khoảng đầu năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L không chăm lo cho gia đình,

thường xuyên cãi vã, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Nay hôn nhân giữa bà và ông L không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L.

Thời gian chung sống giữa bà và ông L có 02 con chung với nhau gồm: Trần Minh C (nữ) sinh ngày 21/01/2010 và Trần Mạnh T (nam) sinh ngày 13/8/2012 hiện đang sống cùng bà, khi ly hôn bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/02 con, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 29/7/2022 bà U thay đổi yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định thời gian chung sống giữa bà và ông L không có nợ chung hay tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa, bà Lương Nhã U đề nghị được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Lương Nhã U và ông Trần Văn L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do ông L hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: phường Tân A, quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Nhã U cho rằng quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà hiện tại phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có biện pháp hàn gắn, đã không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; hiện nay mối quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân; Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng ông L vắng mặt xem như đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, hiện hôn nhân giữa ông bà chỉ còn tồn tại về

mặt pháp lý, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Nay bà U cương quyết ly hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho bà U, yêu cầu ly hôn của bà đối với ông L là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo như bà Lương Nhã U trình bày thời gian chung sống giữa bà và ông Lộc có 02 con chung là Trần Minh C (nữ) sinh ngày 21/01/2010 và Trần Mạnh T (nam) sinh ngày 13/8/2012. Bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Xét thấy, cả hai cháu đang sống ổn định với bà U, các cháu đều đã trên 7 tuổi và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án các cháu đều thể hiện nguyện vọng được sống trực tiếp với bà U như hiện nay. Do đó, việc bà U yêu cầu được nuôi trực tiếp 02 con chung cháu C và cháu T là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà U trình bày thời gian chung sống bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông L, không ghi nhận được ý kiến nên Tòa án không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lương Nhã U chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Nhã U đối với ông Trần Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Nhã U được ly hôn với ông Trần Văn L

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Minh C (nữ) sinh ngày 21/01/2010 và Trần Mạnh T (nam) sinh ngày 13/8/2012 cho bà Lương Nhã U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Trần Văn L không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: bà Lương Nhã U chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000614 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí phải nộp. Các đương sự đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Bé Hiền

